

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-7-2018.

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lương Đức.

Bà Đỗ Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Ngọc C, sinh năm 1974; HKTT: Thôn T, xã T, huyện X, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1979; HKTT: Thôn T, xã T, huyện X, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Hà Ngọc C trình bày như sau:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị O là hôn nhân tự nguyện tiến bộ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Xuyên ngày 20 tháng 4 năm 2000. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn T, xã T, huyện Phú Xuyên.

Vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị O tự ý làm ăn, không bàn bạc với anh dẫn đến nợ nần nhiều. Khi biết thông tin thì anh có can thiệp, yêu cầu chị O trao đổi trung thực để vợ chồng cùng giải quyết nhưng chị O không chia sẻ với anh, giấu giếm việc làm ăn vay nợ. Điều đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 8/2014 đến nay vợ chồng không nói chuyện với nhau mặc dù vẫn sống chung một nhà, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 01/2017, vợ chồng đã tự sống ly thân không còn quan hệ gì.

Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không có nên anh tha thiết đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

Con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Hà Minh A và Hà Nguyệt A sinh ngày 29/6/2001, cháu Hà Hữu T sinh ngày 25/6/2010. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu và không đề nghị chị O cấp dưỡng nuôi con, nếu các cháu muốn ở với chị O thì anh cũng nhất trí và anh tự nguyện cấp dưỡng tối đa là 5.000.000đồng/1 tháng cho chị O nuôi con.

Tài sản chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng anh không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị O trình bày như sau:

Chị xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như anh C khai là đúng. Ở lời khai đầu chị không đồng ý với nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo chị nguyên nhân vợ chồng chị mâu thuẫn là do tháng 8/2014 chị nghi ngờ anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác khiến tình cảm vợ chồng xa cách. Nhưng lời khai sau đó chị thừa nhận nguyên nhân vợ chồng chị mâu thuẫn dẫn đến việc anh C phải làm đơn ly hôn là do chị tự ý làm ăn không bàn bạc với chồng dẫn đến hai vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 01/2017 đến nay không còn quan hệ gì. Trước đó vợ chồng chị cũng lạnh nhạt, chị cũng có níu kéo nhưng anh C không muốn đoàn tụ nên chị cũng thôi.

Nay anh C làm đơn ly hôn quan điểm của chị là không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố và mẹ. Nếu anh C vẫn cương quyết muốn ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Con chung: Chị xác nhận vợ chồng có ba con chung là cháu Hà Minh A và Hà Nguyệt A sinh ngày 29/6/2001, cháu Hà Hữu T sinh ngày 25/6/2010. Quan điểm của chị là các cháu đã lớn, các cháu muốn ở với ai thì chị cũng nhất trí.

Tài sản chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Chị khẳng định vợ chồng chị không có công nợ chung, những nợ nần do việc làm ăn của chị là nợ riêng của chị, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị O lên làm việc, hòa giải nhằm đoàn tụ vợ chồng, song chị O không đến làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi làm việc của chị O và tại địa phương nơi chị O sinh sống cho biết chị O bỏ đi từ tháng 4/2018 đến nay, chị O bỏ đi đâu không ai biết. Tòa án đã kết hợp với UBND xã T tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng qui định của pháp luật.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh C. Cho anh C được ly hôn chị O.

Về con chung: Giao ba con chung là cháu Hà Minh A và Hà Nguyệt A sinh ngày 29/6/2001, cháu Hà Hữu T sinh ngày 25/6/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con cho chị O cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị O có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn không đến làm việc, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, do vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là chị Nguyễn Thị O là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Anh Hà Ngọc C và chị Nguyễn Thị O kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà Nội) ngày 20/4/2000, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Cả hai anh chị đều thừa nhận về thời điểm phát sinh, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn, thừa nhận anh chị có sự bất đồng lớn về quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017, không còn quan hệ tình cảm lẫn kinh tế. Chỉ có thể lý giải những hiện tượng này trên cơ sở những đổ vỡ từ thực tế cuộc hôn nhân và tình cảm của anh chị chứ không thể đổ lỗi cho một bên được, mặc dù chị O cũng thừa nhận để đến mức anh C xin ly hôn cũng do lỗi của chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Hà Minh A và Hà Nguyệt A sinh ngày 29/6/2001, cháu Hà Hữu T sinh ngày 25/6/2010. Ly hôn xét đề nghị của anh C chị O cũng như tham khảo quan điểm của các con của hai vợ chồng nên giao cả ba cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là hợp lẽ. Anh C không yêu cầu chị O đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị O đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Anh C chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về công nợ: Anh C chị O xác nhận vợ chồng không vay mượn ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét, nếu sau khi ly hôn có tổ chức cá nhân nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì anh chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh Hà Ngọc C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì

anh C chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh C có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị O vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Hà Ngọc C được ly hôn chị Nguyễn Thị O.
2. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Hà Minh A và Hà Nguyệt A, sinh ngày 29/6/2001, cháu Hà Hữu T sinh ngày 25/6/2010. Giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị O đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị O có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Anh C chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét,
Về công nợ chung: Anh C chị O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.
4. Về án phí: Anh Hà Ngọc C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AE/2010/0004935 ngày 18/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.,.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trí Tuyển